TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán:Ông Huỳnh Văn Luật;

Bà Nguyễn Thị Huyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 340/2025/TLPT-KDTM ngày 18/11/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2025/KDTM-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7870/2025/QĐXX-PT ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1613/2026/QĐ-PT ngày 29/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H; địa chỉ: Tầng E, số B đường U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Quý Q, sinh năm 1983 và/hoặc ông Châu Đình T, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Số A, đường A, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2025). Ông Q có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S; địa chỉ: Khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Á, sinh năm 1999; hoặc ông Nguyễn Huỳnh Hoàng B, sinh năm 2004; cùng địa chỉ liên hệ: thửa đất số 2334, tờ bản đồ số 7, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền ngày 26/02/2026). Bà Á có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025 của nguyên đơn và lời khai của người đại diện của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là "Công ty H-CRETE") và Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là "Công ty S") là đối tác kinh doanh lâu năm; trong đó, Công ty H-CRETE sản xuất sản phẩm hoá chất xây dựng, phụ gia bê tông và Công ty S mua hàng hoá, sản phẩm của Công ty H. Vì là đối tác lâu năm nên trong quá trình mua bán, các bên không lập hợp đồng và tuân thủ theo nguyên tắc nhận hàng trả tiền. Công ty H-CRETE luôn đảm bảo tuân thủ việc giao hàng, xuất hóa đơn, cung cấp hồ sơ thanh toán và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên Bán.

Do Công ty S chậm thanh toán nên vào ngày 12/11/2024, Công ty H đã có Văn bản số 001.2024/HI-CRETE–KGP thông báo tạm ngừng cung cấp sản phẩm và đề nghị thanh toán các khoản nợ tồn đọng. Ngày 19/3/2025, Công ty H-CRETE tiếp tục có Thư yêu cầu Thanh toán số 19.03.001.2025/YCTT gửi đến Công ty S để yêu cầu thanh toán khoản nợ chậm nhất vào ngày 26/3/2025. Phía Công ty S đưa ra đề nghị phải tiến hành đối chiếu nợ giữa hai bên thì mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 31/3/2025, Công ty H và Công ty S đã tiến hành kiểm tra và thống nhất ký kết Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó, tính đến hết ngày 15/3/2025 thì Công ty S còn nợ Công ty H – Crete số tiền: 977.114.818 đồng.

Ngày 01/4/2025, Công ty H-CRETE đã có T1 yêu cầu Thanh toán số: 01.04.001.2025/YCTT gửi đến Kiên Gia P yêu cầu thanh toán số tiền 977.114.818 đồng, nhưng Công ty S không thực hiện. Đến ngày 16/5/2025, Kiên Gia P thanh toán cho HI-CRETE số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, tiền nợ gốc còn lại: 977.114.818 đồng – 5.000.000 đồng = 972.114.818 đồng.

Công ty H-CRETE yêu cầu Công ty S phải thanh toán 1.008.137.645 đồng, bao gồm: nợ gốc: 972.114.818 đồng, tiền lãi chậm trả: 35.994.882 đồng (từ ngày 30/4/2025 đến ngày 17/8/2025) và tiếp tục được tính đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H-CRETE rút yêu cầu thanh toán tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/4/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ yêu cầu lãi theo quy định Điều 306 Luật thương mại từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản nợ.

** Theo Văn bản trình bày ý kiến ngày 19/5/2025 và lời trình bày của người đại diện của bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng:*

Vào ngày 31/03/2025, ông Châu Quý Q liên hệ với Công ty S nhờ ký tài liệu để thực hiện hồ sơ vay vốn ngân hàng. Vì ông Q là luật sư và bà Y biết ông

Q trước đó để xử lý các khoản tất toán cho Công ty H-CRETE nên bà Y đã tin tưởng ông Q ký các văn bản mà không để ý nội dung, bao gồm Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/3/2025. Công ty H lấy lý do mang về đóng dấu rồi gửi lại cho Công ty S, nhưng sau đó sử dụng Biên bản này đi khởi kiện Công ty S.

Nhận thấy, ông Q có hành vi gian dối vì giữa Công ty S và Công ty H không ký bất kỳ hợp đồng thương mại nào. Đồng thời, việc ông Q nhờ bà Y ký biên bản đối chiếu và xác nhận nợ là để giúp ông Q hỗ trợ Công ty H thực hiện thủ tục vay ngân hàng, tiếp tục hoạt động kinh doanh, không phải vì mục đích yêu cầu trả nợ. Do đó, Công ty S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2025/KDTM-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H-CRETE số tiền 972.114.818 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty H-CRETE đối với Công ty S về việc thanh toán 5.000.000 đồng tiền gốc và 35.994.882 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 13/10/2025, bị đơn Công ty S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa thu thập chứng cứ bổ sung và cho kế toán của hai Công ty đối chiếu lại các khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về khoản nợ phải trả. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm trả kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 là không phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần này.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", bị đơn có trụ sở tại khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Công ty S được thực hiện trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[3] Xét thấy, giữa các bên có quan hệ mua bán hàng hoá sản phẩm hoá chất xây dựng, phụ gia bê tông của Công ty H, được thể hiện tại các hoá đơn giá trị gia tăng và "Biên bản đối chiếu & xác nhận công nợ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 15/03/2025" ngày 31/3/2025. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn giao nộp bổ sung thêm các hoá đơn giá trị gia tăng, nhiều hơn số hoá đơn đã xuất trình ở cấp sơ thẩm, chứng minh giữa hai bên đã có quan hệ mua bán hàng hoá lâu dài và số tiền nguyên đơn yêu cầu là số tiền còn lại phải thanh toán sau khi đã được hai bên đối chiếu nợ. Biên bản đối chiếu & xác nhận công nợ ngày 31/3/2025 đã được người đại diện theo pháp luật của hai Công ty ký kết và đóng dấu xác nhận. Theo đó, Công ty S xác nhận còn nợ tiền hàng chưa thanh toán: 977.114.818 đồng. Việc bị đơn xác nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe doạ hay lừa dối. Khi tham gia tố tụng, bị đơn cho rằng không ký bất kỳ hợp đồng thương mại nào, việc ông Q nhờ bà Y ký biên bản đối chiếu và xác nhận nợ là để giúp ông Q hỗ trợ Công ty H thực hiện thủ tục vay ngân hàng, tiếp tục hoạt động kinh doanh, không phải vì mục đích yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến phản bác của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm nhận định có quan hệ mua bán hàng hoá, không chấp nhận ý kiến phản bác của bị đơn là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để kế toán hai Công ty đối chiếu các khoản nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về thủ tục tố tụng, xét việc nguyên đơn giảm một phần số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán về bản chất không phải là rút yêu cầu khởi kiện mà là giảm mức yêu cầu (giảm bớt số tiền yêu cầu). Do đó, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khoản tiền yêu cầu sau cùng mà không cần thiết phải đình chỉ giải quyết đối với số tiền nguyên đơn đã giảm bớt yêu cầu.

[5] Về tiền lãi chậm trả, nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ thời điểm bên có nghĩa vụ vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định có yêu cầu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản nợ theo quy định của pháp luật, không phải theo quy định Điều 306 Luật thương mại. Theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định

của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì quy định tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại chỉ áp dụng từ thời điểm bị vi phạm đến thời điểm xét xử sơ thẩm và Tòa án phải căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[6] Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tính tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sở thẩm cho đến khi thi hành án xong theo quy định của Điều 306 Luật thương mại, nhưng không quyết định mức lãi suất cụ thể là không thể thi hành án được. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, mặc dù bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình về khoản nợ phải trả là có căn cứ, nhưng xét thấy phần quyết định của bản án sơ thẩm về tiền lãi chậm trả là không phù hợp với quy định của pháp luật nên cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật về tiền lãi chậm trả sau ngày xét xử sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa lại quyết định của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty S không phải chịu án phí phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 306 và Điều 319 Luật thương mại;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2025/KDTM-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H đối với Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H-CRETE số tiền 972.114.818 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH S phải chịu 41.163.445 đồng.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH H-CRETE số tiền 20.733.522 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005143 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH S không phải chịu, được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018913 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ GĐKT 1);
- VKSND TP.HCM cơ sở 2;
- TAND khu vực 18 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA (9). (58)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Lực